



3. Giá chào ghi trong hồ sơ chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời chào giá; giá chào phải bằng Việt Nam đồng.

4. Thời gian hiện lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

II. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt” để đánh giá. Hồ sơ chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí quy định tại các mục dưới đây được đánh giá là “đạt”.

1. Tiêu chuẩn năng lực, kinh nghiệm:

STT	Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	Mức độ đáp ứng
<b>I. Quy định chung</b>		
1	Doanh nghiệp có giấy chứng nhận kinh doanh than theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Cam kết không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật thời điểm cung cấp than cho VICEM E&E (cam kết của doanh nghiệp).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Doanh nghiệp hạch toán tài chính độc lập	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
4	Cam kết không trong thời gian bị các cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu dừng hoạt động kinh doanh than (cam kết của doanh nghiệp)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
5	Nguồn gốc than có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. (Cụ thể: chứng minh nguồn gốc than qua các hợp đồng, hóa đơn mua bán...).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
6	Chất lượng than phải đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước, và theo yêu cầu của VICEM E&E. (Cụ thể: Theo TCVN hiện hành hoặc tương đương, TCCS. Phù hợp với yêu cầu của VICEM E&E).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
7	Có vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng trở lên.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
<b>II. Doanh nghiệp cung cấp than pha trộn/ chế biến thương mại</b>		
1	Đáp ứng các quy định thuộc phần I (quy định chung)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Có đủ điều kiện chế biến than theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Chứng minh được khả năng cung cấp đa dạng các chủng loại than khác nhau. (Cụ thể: qua các hợp đồng, hóa đơn mua bán than).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
4	Có Hợp đồng cung cấp than chế biến (gồm chủng loại, chất lượng, khối lượng than); Chất lượng than chế biến phải có chứng thư giám định chất lượng của cơ quan giám định độc lập với từng lô hàng.	Đạt

00106  
CÔNG  
CƠ PH  
NG LƯ  
ĐI TR  
VICEM  
ĐA - T

	Trái điều kiện trên	Không đạt
5	Sở hữu hoặc thuê hệ thống kho bãi và thiết bị phù hợp để chế biến than đảm bảo độ đồng nhất của than, phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 8910:2020 hoặc của VICEM. (có tài liệu chứng minh kèm theo).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
<b>III. Doanh nghiệp cung cấp than nhập khẩu</b>		
1	Đáp ứng các quy định thuộc phần I (quy định chung)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Có hợp đồng với các tổ chức cung cấp than có nguồn gốc nhập khẩu (hợp đồng nhập khẩu than trực tiếp hoặc hợp đồng mua bán than có nguồn gốc nhập khẩu), có đầy đủ hồ sơ chứng minh than có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp (tờ khai hải quan thông quan hàng hóa, C/O, C/Q...).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Cam kết than có nguồn gốc đúng theo hồ sơ chứng minh; chất lượng của than cung cấp tương ứng theo chứng thư giám định tại cảng nhập.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt

## 2. Phạm vi cung cấp hàng hóa:

2.1. Hàng hóa: than cám chế biến chất lượng tương đương than cám 5a.1, 5a.3, 5b.1 - TCVN 8910:2020.

2.2. Chất lượng hàng hóa: thuộc khung chủng loại than cám 5a.1, 5a.3, 5b.1 - theo TCVN hiện hành (TCVN 8910:2020) và/hoặc phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của bên mua:

TT	Chỉ tiêu	Than tương đương than cám 5a.1	Than tương đương than cám 5a.3	Than tương đương than cám 5b.1
1	Cỡ hạt (mm):			
	Tỷ lệ hạt $\leq 15\text{mm}$ (%)	$\geq 90$	$\geq 90$	$\geq 90$
	Tỷ lệ hạt $> 15\text{mm}$ và $\leq 25\text{mm}$ (%)	$< 10$	$< 10$	$< 10$
2	Độ tro khô, $A^k$ (%):			
	Trung bình:	29,00	29,00	33,00
	Giới hạn:	27,01÷31,00	27,01-31,00	31,01÷ 35,00
3	Hàm lượng độ ẩm toàn phần, $W^p$ (%):			
	Trung bình:	8,50	8,50	8,50
	Giới hạn, không lớn hơn:	13,00	13,00	13,00
4	Chất bốc khô, $V^k$ (%):			
	Giới hạn:	5,00 ÷ 10,00	5,0 ÷ 10,00	5,00 ÷ 10,00
5	Lưu huỳnh chung khô, $S^k_{ch}$ (%)			
	Trung bình:	0,65	1,00	0,65
	Giới hạn, không lớn hơn:	0,90	1,35	0,90
6	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô $Q^k_{gr}$ Cal/g:			
	Không nhỏ hơn:	5.600	5.350	5.250

Than không lẫn các loại tạp chất, dị vật như đất, cát, đá, sắt thép...

2.3. Khối lượng hàng mua dự kiến:

- Tổng: 45.000 tấn  $\pm$  10% khối lượng chào;
- Nhà cung cấp có thể chào toàn bộ hoặc tối thiểu 01 chủng loại than cám thuộc khung chất lượng yêu cầu, số lượng than cám chào giá có thể nhỏ hơn khối lượng chào mua dự kiến (nêu trên), tuy nhiên phải đạt tối thiểu 80% khối lượng dự kiến.

2.4. Địa điểm giao hàng:

Mép nước cảng/kho/bến rớt hàng thuộc khu vực Hải Phòng, khu vực Ninh Bình.

2.5. Tiến độ và thời gian thực hiện: Trong tháng 4/2023.

2.6. Điều kiện thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hàng hóa xuất hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên Mua nhận được bộ chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lệ.

III. Đánh giá về giá:

- Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
- Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật thì tiếp tục được đánh giá về giá. Đơn vị được đánh giá về giá có đơn giá chào thấp nhất sẽ được xem xét mời đàm phán, thương thảo Hợp đồng.

Rất mong nhận được Hồ sơ chào giá của các Quý Khách hàng!”

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Công Giang**